



shǐ mìng

使命

Noun · mission

Example Sentences

wǒ de shǐ mìng shì bāng zhù bié rén

我的使命是帮助别人。

My mission is to help others.

nǐ rèn wéi zì jǐ rén shēng de hé xīn shǐ mìng shì shén me

你认为自己人生的核心使命是什么？

What do you consider to be the core mission of your life?

zuò wéi yī shēng jiù sǐ fú shāng shì tā de shǐ mìng

作为医生，救死扶伤是他的使命。

As a doctor, saving lives is his mission.

Trace each character, then write the word on your own.

使	使	使	使	使	使	使	使	使	使	使
命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命